

# Cập nhật quy định pháp luật

Tháng 6/2018

## NGHỊ ĐỊNH 63/2018/NĐ-CP VỀ ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

Nghị định 63/2018/NĐ-CP mới (“Nghị định 63”) sẽ có hiệu lực vào ngày 19/6/2018 để ra một số thay đổi quan trọng để khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân đầu tư vào dự án PPP. Theo quy định tại Nghị định mới này, việc quản lý và giám sát đối với các dự án PPP, đặc biệt là hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao, được kỳ vọng sẽ chặt chẽ hơn.

Nghị định 63 quy định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (“PPP”) sẽ thay thế Nghị định 15/2015/NĐ-CP (“Nghị định 15”) và một số điều liên quan đến PPP trong Nghị định 136/2015/NĐ-CP (“Nghị định 136”). Dưới đây là các thay đổi đáng chú ý của Nghị định này.

### Hợp đồng hỗn hợp được công nhận là một loại hợp đồng PPP

Nghị định 63 ghi nhận hợp đồng hỗn hợp là một loại hợp đồng PPP. Hợp đồng hỗn hợp là sự kết hợp của bảy loại hợp đồng PPP hiện hành theo Nghị định 15:

- Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT)
- Xây dựng – Chuyển giao – Kinh doanh (BTO);
- Xây dựng – Chuyển giao (BT);
- Xây dựng – Sở hữu – Kinh doanh (BOO);
- Xây dựng – Chuyển giao – Thuê dịch vụ (BTL);
- Xây dựng – Thuê dịch vụ – Chuyển giao (BLT); và
- Kinh doanh – Quản lý (O&M).

Việc áp dụng hợp đồng hỗn hợp khi thực hiện các dự án PPP phải được sự chấp thuận từ các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tuy nhiên nhà đầu tư không cần xin chấp thuận từ Thủ tướng Chính phủ.

Việc áp dụng bất cứ loại hợp đồng nào khác với với bảy loại hợp đồng trên và/hoặc hợp đồng hỗn hợp phải được sự chấp thuận từ Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề xuất từ bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ngoài ra, các bộ, cơ quan ngang bộ cũng được giao nhiệm vụ hướng dẫn chi tiết mẫu hợp đồng dự án cho các dự án PPP phù hợp với ngành, lĩnh vực mình quản lý.

### Đơn giản hóa thủ tục thực hiện dự án PPP

Theo Nghị định 63, nhà đầu tư không cần phải xin giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án PPP, qua đó tinh giản thủ tục thực hiện dự án PPP.

Bên cạnh đó, Nghị định 63 bổ sung thêm thủ tục mới cho các dự án PPP ứng dụng công nghệ cao, tạo ra nhiều sự linh hoạt hơn cho các nhà đầu tư, giảm thời gian và chi phí thực hiện dự án PPP ứng dụng công nghệ cao. Theo thủ tục mới này, việc lựa chọn nhà đầu tư sẽ được thực hiện sau bước nghiên cứu tiền khả thi và chấp thuận dự án. Như vậy, nhà đầu tư được lựa chọn sẽ chịu trách nhiệm lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thay vì các bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như các dự án khác.

### Đa dạng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP; tăng yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu đối với nhà đầu tư tư nhân

Nhìn chung, hiện tại vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện các dự án PPP được lấy từ ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và khoản cho vay ưu đãi từ nhà tài trợ nước ngoài. Theo Nghị định 63, Chính phủ có thể sử dụng những nguồn vốn khác để tham gia thực hiện dự án PPP, như tài sản kết cấu hạ tầng, hoặc quyền khai thác công trình hoặc cung cấp dịch vụ. Thay đổi này sẽ tăng tính linh hoạt cho các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc huy động nguồn lực thực hiện dự án PPP, theo đó được kỳ vọng sẽ thúc đẩy nhiều dự án PPP hơn nữa.

Tuy nhiên, Nghị định 63 nâng yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu đối với nhà đầu tư tư nhân lên 20% đối với dự án PPP có tổng vốn đầu tư đến 1.500 tỷ VND (khoảng 66 triệu USD), so với tỷ lệ 15% được quy định trong Nghị định 15.

Đối với dự án có tổng vốn đầu tư dự án trên 1.500 tỷ VND, tỷ lệ vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tư nhân phải chiếm ít nhất 20% đối với phần vốn lên đến 1.500 tỷ VND và ít nhất 10% cho phần vốn còn lại vượt quá 1.500 tỷ VND.

Việc nâng tỷ lệ vốn chủ sở hữu này giúp bảo đảm năng lực tài chính của nhà đầu tư tư nhân và khả năng thực hiện dự án PPP, tuy nhiên, yêu cầu này sẽ đặt ra thêm khó khăn đối với nhà đầu tư tư nhân.

### Thắt chặt quản lý đối với dự án Xây dựng – Chuyển giao (BT)

Để giải quyết các vấn đề gần đây của những dự án BT, Nghị định 63 dành hẳn Chương V và một số điều khoản quy định chi tiết riêng cho loại dự án PPP này. Cụ thể như sau:



- Dự án BT phải được thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cao hơn so với các dự án PPP thuộc loại hợp đồng khác. Ví dụ, dự án "Nhóm A" theo hợp đồng BT sẽ cần phải được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; trong khi đó dự án "Nhóm A" theo các loại hợp đồng khác mà không sử dụng vốn ngân sách trung ương đến 300 tỷ VND hoặc 30% tổng vốn đầu tư sẽ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.
- Ngoài việc đáp ứng yêu cầu về vốn tối thiểu được quy định trong Nghị định 63, nhà đầu tư tư nhân thực hiện dự án BT cũng phải đáp ứng điều kiện về vốn chủ sở hữu tối thiểu được quy định trong các quy định về đất đai, xây dựng, nhà ở và bất động sản (nếu có).
- Thủ tục thực hiện dự án BT có thêm yêu cầu lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế và dự toán theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc pháp luật chuyên ngành có liên quan.
- Theo quy định tại Nghị định 15, giá trị quyền sử dụng đất là phương thức thanh toán duy nhất cho nhà đầu tư tư nhân thực hiện dự án BT. Tuy nhiên, điều này đã dẫn đến nhiều khó khăn cho cơ quan Nhà nước khi không đủ quỹ đất để thanh toán cho nhà đầu tư. Để giải quyết vấn đề này, Nghị định 63 đa dạng phương thức thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT, bao gồm trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng và quyền kinh doanh, khai thác công trình hoặc cung cấp dịch vụ.

### Việc chuyển nhượng dự án PPP trở nên khó khăn hơn

Nghị định 63 đặt ra nhiều yêu cầu chặt chẽ hơn đối với nhà đầu tư tư nhân để được chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của họ trong hợp đồng dự án PPP cho (các) bên cho vay hoặc nhà đầu tư khác. Cụ thể, nhà đầu tư tư nhân chỉ được phép chuyển nhượng dự án PPP sau khi đã hoàn thành xây dựng công trình hoặc đã chuyển sang giai đoạn vận hành của các dự án này; và (các) bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng năng lực về tài chính và quản lý và các yêu cầu khác. Mặc dù mục đích của các yêu cầu mới này là để đảm bảo sự nghiêm túc của nhà đầu tư và khả năng thực hiện dự án PPP, nhưng không rõ các yêu cầu mới này có thể giải quyết thỏa đáng trong trường hợp nhà đầu tư gặp khó khăn về cấp vốn cho dự án ngay từ giai đoạn đầu triển khai dự án hay không.

### Công khai thông tin cơ bản của hợp đồng PPP

Bên cạnh yêu cầu công bố thông tin dự án PPP trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng bảy ngày kể từ ngày có chấp thuận dự án như được quy định trong Nghị định 15, Nghị định 63 yêu cầu phải công bố các nội dung cơ bản của hợp đồng dự án PPP (bao gồm tên dự án, ngày ký kết hợp đồng, thông tin xác định danh tính của cơ quan Nhà nước và nhà đầu tư tư nhân là các bên giao kết hợp đồng, địa điểm thực hiện dự án, vốn đầu tư, giá và phí của hàng hóa/dịch vụ, v.v) trên cùng hệ thống thông tin đấu thầu quốc gia trong vòng bảy ngày làm việc từ ngày ký kết hợp đồng PPP.

Tóm lại, các quy định mới trong Nghị định 63 giúp giải quyết một số vấn đề mà cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư đang đối mặt trong các dự án PPP. Tuy nhiên, các vấn đề có ảnh hưởng đến nhà đầu tư tư nhân như quy trình thẩm định và phê duyệt dự án PPP còn phức tạp và kéo dài, cơ chế về phân bổ rủi ro giữa cơ quan Nhà nước và nhà đầu tư tư nhân vẫn chưa được quy định rõ ràng và chưa được giải quyết trong Nghị định 63. Các vấn đề còn tồn tại này hy vọng sẽ được giải quyết trong Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư, đang được soạn thảo và dự kiến sẽ được trình lên Quốc Hội để thảo luận và thông qua vào năm 2020 hoặc 2021.<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Theo bà Vũ Quỳnh Lê, Phó Cục Trưởng Cục Quản Lý Đấu Thầu trực thuộc Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.  
Nguồn: vietnambiz.vn

### Theo dõi chúng tôi trên:

Mọi thông tin ở đây đều là thông tin chung không được cung cấp cho bất kỳ trường hợp cụ thể của bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào. Mặc dù chúng tôi cố gắng cung cấp thông tin chính xác và cập nhật nhất một cách có thể, tuy nhiên chúng tôi không thể đảm bảo rằng những thông tin này còn chính xác lúc đến tay người đọc hiện tại hay trong tương lai. Bất cứ ai cũng không nên dựa trên thông tin ở đây để áp dụng vào một trường hợp cụ thể nào đó nếu không có được sự tư vấn tham khảo từ các chuyên viên.

© 2018 Công ty Luật TNHH KPMG, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành lập tại Việt Nam và là thành viên trong mạng lưới các hãng KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Cooperative, một tổ chức Thụy Sĩ. Tất cả các quyền được bảo hộ.

## Contact us

### Hanoi

Tầng 46, Tòa nhà Keangnam Landmark 72  
Lô E6 Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

T: +84 (24) 3946 1600

F: +84 (24) 3946 1601

E: kpmghanoi@kpmg.com.vn

### TP Hồ Chí Minh

Tầng 10, Tòa nhà SunWah  
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

T: +84 (28) 3821 9266

F: +84 (28) 3821 9267

E: kpmghcmc@kpmg.com.vn

### Richard Stapley-Oh

Phó Tổng Giám đốc  
Trưởng Bộ phận Dịch vụ Pháp lý

T: +84 (28) 3821 9266 (ext 3876)

E: rstapleyoh@kpmg.com.vn

### Nguyễn Thanh Hòa

Giám đốc  
Dịch vụ Pháp lý

T: +84 (28) 3821 9266 (ext 8276)

E: hnguyen23@kpmg.com.vn

### Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc  
Dịch vụ Pháp lý

T: +84 (28) 3821 9266 (ext 3792)

E: ntbui@kpmg.com.vn

### Tran Duy Binh

Giám đốc  
Dịch vụ Pháp lý

T: +84 (28) 3821 9266 (ext 3791)

E: binhdtran@kpmg.com.vn

### Phạm Thị Quỳnh Ngọc

Giám đốc  
Dịch vụ Pháp lý

T: +84 (24) 3946 1600 (ext 6423)

E: nqpham@kpmg.com.vn

### Nguyễn Mạnh Cường

Giám đốc  
Dịch vụ Pháp lý

T: +84 (24) 3946 1600 (ext 6569)

E: cuongnguyen1@kpmg.com.vn

kpmg.com.vn